

Nghị Cỏ Gió Đuà của Hồ Biều Chánh Thụy Khuê

Les Misérables hay *Những kẻ khốn cùng* là một trường thiên tiểu thuyết gồm 10 quyển, Victor Hugo bắt đầu viết từ năm 1845 đến 1847, rồi bỏ dở vì hoạt động chính trị, sau đó ông bị trục xuất khỏi nước Pháp, phải sống lưu vong trong gần 20 năm từ 1851 đến 1870, *Les Misérables* được hoàn tất năm 1861, và in năm 1862, khi Victor Hugo đang sống ở Anh.

Les misérables là một thiên anh hùng ca đấu tranh xã hội viết theo lối hiện thực Balzac. Tác phẩm phản ánh ý thức đấu tranh chính trị và xã hội của Hugo. Thời gian tiểu thuyết trải dài trong thế kỷ XIX ở Pháp, với những nhân vật tiêu biểu cho các thành phần xã hội, mà vai chính là Jean Valjean, người tù khổ sai. Jean Valjean là một thứ *homme du peuple*, một *nhân dân* theo đúng nghĩa thời thượng lúc bấy giờ. Người «*nhân dân*» này có thể trở nên tốt hoặc xấu, tùy theo hoàn cảnh và môi trường sống. Và chính môi trường mục nát của xã hội Pháp thế kỷ XIX đã đẩy đọa Valjean, bắt sống oan ức tù tội trong 20 năm. *Les misérables* không chỉ có một Jean Valjean mang *bộ mặt khốn cùng* mà bao nhiêu nhân vật khác cũng có những nét *khốn cùng* như thế, họ vẽ nên sự tàn nhẫn của một xã hội bất công, vô nhân, cần phải được tẩy uế toàn diện. Tiểu thuyết của Victor Hugo trải rộng trên bề dày lịch sử và xã hội Pháp, thời kỳ công nghiệp bắt đầu phát triển, với những tranh chấp và xáo trộn chính trị giữa phe cộng hòa tiến bộ và phe bảo thủ bảo hoàng.

Là một chính khách và là một nhà văn chủ trương dân chủ, tự do và nhân bản, trong

Les Misérables, Hugo khắc họa bối cảnh đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, xuyên qua tác phẩm văn học. Ông tuyên bố: «*Tôi đứng về phía những kẻ bị loại trừ, bị lưu đày*» và tác phẩm chứng minh cho câu nói trên. *Les Misérables- Những kẻ khốn cùng* được hình thành như một anh hùng ca về đạo nhân, đức nhân theo nghĩa Ky-tô giáo, và Hugo đã dành trọn quyển một, để ca tụng đạo đức của Giám mục Myriel, người đã cải tà quy chính cho Jean Valjean.

Tác phẩm nghiêng xuống những đứa trẻ bụi đời, sống lang thang trong các đô thị công nghiệp hoá như Gavroche, những đứa bé mồ côi như Cosette, những phụ nữ bán thân nuôi con như Fantine. Tác phẩm tố cáo một xã hội duy luật, một thứ luật pháp chủ quan, độc đoán, mù quáng, vô nhân đạo.

Tác phẩm xây dựng chung quanh nhân vật chính Jean Valjean. Jean Valjean nghèo khổ, đói khát. Vì *ăn cắp một miếng bánh mì* về nuôi các cháu nên bị bắt, bị tù, vượt ngục nhiều lần, mỗi lần thêm án, từ 5 năm lên đến 20 năm. Mãn hạn tù Valjean trở thành kẻ hận đời, muốn trả thù xã hội. Sau được giám mục Myriel giác ngộ. Vì cần mẫn làm ăn, anh trở nên giàu có, và từ đây, anh dùng tài sản của mình vào việc từ thiện, cứu đời, nhưng những ba chìm bảy nổi vẫn chưa thôi đeo đuổi và Jean Valjean phải đi hết số phận mình, như một vì sao xấu.

Baudelaire, trong bài tựa cuốn *Les Misérables*, đã chỉ định tác phẩm như một cuốn sách về lòng nhân ái. Hơn một trăm năm sau khi tác phẩm ra đời, những khuôn mặt trong *Les Misérables* như Jean Valjean, Gravoche, Cosette... tái hiện trên màn ảnh, trên kịch trường Pháp, như những biểu tượng sống của sự lầm than, áp bức.

Cảm tác một tác phẩm như thế không phải dễ. Bởi vì phải làm sao, ít nhất, nếu không vượt được nguyên bản, thì cũng phải đạt được tính độc sáng của một văn bản mới. *Ngọn cỏ gió đưa* của Hồ Biểu Chánh đã thành công trên bình diện: khắc thảo những chân dung con người đói khổ, khốn cùng, trong xã hội Việt Nam thế kỷ XIX dưới thời nhà Nguyễn, với ảnh hưởng đạo đức và triết lý Á đông, và tảo ra một khuôn mặt Jean Valjean Việt Nam trong Lê Văn Đố, khuôn mẫu cho những khuôn mặt cùng đing sau này sẽ xuất hiện trong tiểu thuyết Việt nam.

Chúng ta cũng có thể dựa vào tác phẩm *Ngọn cỏ gió đưa* của Hồ Biểu Chánh như một nguồn văn hoá có thể khai thác, để rút ra những bức chân dung, những chủ đề, những phong tục tập quán, những ngôn ngữ, y phục, những trứ lượng thông tin vô cùng quý giá về xã hội Việt Nam thế kỷ XIX. *Ngọn cỏ gió đưa* ngoài chất bi kịch còn chuyên chở những tư tưởng cải tạo xã hội Việt nam, dựa trên giáo lý nhà Phật và nhà Nho, khác hẳn với tinh thần đạo lý Thiên chúa giáo của Victor Hugo.

Hồ Biểu Chánh đã dành 5 năm để dựng truyện *Ngọn cỏ gió đưa*, và khi dựng xong, ông viết trong vòng 2 tháng. Tác phẩm hoàn tất và in năm 1926. Và 1926, ở Việt Nam chưa tiểu thuyết nào có tầm cỡ như *Ngọn cỏ gió đưa*.

Hồ Biểu Chánh giữ nguyên cốt truyện *Les Misérables*, nhưng đưa bối cảnh vào xã hội Việt Nam thế kỷ XIX, dưới thời các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức. Tác phẩm của ông đề cao các giá trị Á đông: lòng *trọng nghĩa khinh tài* của người chính nhân quân tử, nghĩa từ bi hỷ xả của đức Phật Thích Ca, lòng đoan trinh của người phụ nữ và đạo hiếu trong gia đình.

Jean Valjean, Việt hoá dưới căn cước Lê Văn Đố, một nông dân khốn cùng, trong

thời mất mùa đói kém, không kiếm được việc. Vì không đành lòng nhìn lũ cháu 7 đứa sắp chết đói, Lê Văn Đố lên bưng trộm nổi cháo cho heo ăn, ở nhà một điền chủ giàu, bị người ta bắt, xông vào đánh đập. Lê Văn Đố chống cự lại. Rút cục vẫn bị bắt. Bị đánh đòn 100 trượng, bị đày 5 năm về tội cướp của và hành hung. Nhiều lần vượt ngục, mỗi lần tăng án, tổng cộng 20 năm mới được thả.

Từ một anh lực điền hiền lành chất phác, chưa hề biết oán hận lúc vào tù.

20 năm sau, khi ra tù, Lê Văn Đố trở thành một thứ thảo khấu làm lý và hung hãn.

Lê Văn Đố đến gõ cửa chùa Chánh Tâm, với tư thế hách dịch của một Tôn Ngộ Không, tay cầm hèo, miệng quát hoà thượng trụ trì :

«*Tao đây là Lê Văn Đố, ở Giồng Tre, người ta nói tao ăn trộm nên đây tao hai mươi năm. Nay tao mãn tù về xứ. Ba ngày rày tao không có cơm ăn. Tới đâu xin họ cũng đuổi không cho ăn nên tao đói bụng lung lăm. Mày chịu cho tao một vài chén cơm ăn đỡ đói hay không thì mày nói phứt đi, tao không thêm nài nỉ nữa đâu*» (*Ngọn cỏ gió đưa*, trang 48).

Hoà thượng Chánh Tâm không nổi giận, người cứ từ tốn đái Đố như một thượng khách, cho thay quần áo mới, cho ăn, cho ngủ. Hoà thượng ngày trước làm quan tới chức Án sát (được vua ban cho bộ chén) nhưng vì chán cảnh thối nát của quan trường, nên trở về đi tu.

Lê Văn Đố đợi mọi người ngủ say, ăn cắp bộ chén ngọc của Hoà Thượng mà lên đi. Giữa đường bị bắt, lý trưởng khám thấy đồ ăn cắp của nhà chùa nên đem giải về chùa cho Hoà thượng nhận mặt trước khi giải lên huyện để quan trên trừng trị. Hoà thượng nhìn thấy bộ chén của mình, bảo lý trưởng: «*Đồ này là đồ của bản đạo cho*

chớ không phải là đồ ăn trộm» và người còn lấy thêm 5 nén bạc cho Lê Văn Đố có đủ lộ phí để tìm về quê cũ mà làm ăn.

Lê Văn Đố tiếp tục cuộc hành trình về quê, trên đường vẫn làm bậy: giữa đường cướp giật nồi cơm của hai vợ chồng người ăn mày già. Nhưng lần này, Đố vừa tìm được chỗ vắng rút nồi cơm ra ăn, thì nghe thấy tiếng quạ kêu: quạ quạ. Tiếng quạ vừa dứt, Đố tính bốc cơm ăn, lại nghe tiếng chuông kêu bon, bon... làm Đố giật mình. Mà « *hễ nghe tiếng chuông thì anh ta rùng mình rờn óc, rồi vang vắng bên tai lại nghe tiếng khóc than của hai vợ chồng ông già* » bị cướp cơm, Đố đành quay trở lại lén trả cho vợ chồng ăn mày nồi cơm trót cướp giật lúc nãy, thì thấy tâm mình lắng xuống. Tình cảnh của Lê Văn Đố, chẳng khác gì Tôn Ngộ Không, mỗi lần làm bậy, thì lại lên cơn nhức đầu vì cái vòng kim cô của Đức Phật siết lại. Hoà thượng Chánh Tâm không dùng vòng kim cô, người đã cứu Lê Văn Đố bằng *một lời nói dối*, và cảm hoá Lê Văn Đố bằng *một nghĩa cử thật*.

Về tới quê, mẹ đã chết, lũ cháu cũng chết đói, chị dâu phiêu bạt không biết nơi nào. Nhờ nghĩa cử của hoà thượng, Lê Văn Đố, dùng 5 nén bạc để lập thân, đổi tên mình thành Chánh Tâm, phá rừng làm ruộng, thành một điền chủ giàu có, gặp khi có loạn Lê Văn Khôi, Chánh Tâm, vì có công nuôi lính nhà vua trong ba năm, để bao vây thành Gia Định. Đẹp xong loạn, Chánh Tâm được vua Minh Mệnh ban cho chức Thiên Hộ. Và ông Thiên Hộ Chánh Tâm tiếp tục đoạn đời thứ nhì: sống tử bi hỷ xả lấy của giúp người. Trước khi trở lại vùng đời sống gió, trong đoạn thứ ba.

Chân dung thứ nhì trong *Ngọn cỏ gió đùa* là Ánh Nguyệt. Ánh Nguyệt hay Fantine là hai người phụ nữ sống hai xã hội khác nhau trong cùng một thế kỷ. Tâm thức Ánh Nguyệt gắn liền với giáo lý Khổng Mạnh, lấy

chữ hiếu làm đầu. Vì hiếu với cha mà nàng mắc vòng ở đợ. Khi bị chồng phản bội bỏ rơi, nàng vẫn giữ trọn phẩm tiết. Không thể bán mình nuôi con như Fantine, trong xã hội Pháp; Ánh Nguyệt chết trong cảnh nghèo khó vì muốn giữ tròn trinh tiết của mình.

Cục diện lịch sử Việt Nam thế kỷ XIX, không có những đấu tranh cho dân chủ, dân quyền như trong xã hội Pháp. Cuộc xung đột giữa hai ý thức hệ dân chủ và bảo thủ trong xã hội Pháp được Hồ Biểu Chánh thay thế bằng cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi chống lại vua Minh Mạng, như một phương tiện đấu tranh của phe đối lập. Lê Văn Khôi là con nuôi của tả quân Lê Văn Duyệt, sau khi tả quân mất, nổi lên chống lại thần quyền độc đoán và bất công của vua Minh Mạng. Cha con Vương Thế Hùng-Vương Thế Phụng, thay mặt cha con Pontmercy – Marius (biểu tượng phe dân chủ ở Pháp) lần lượt thay phiên nhau phát cờ theo phe « nguy » (Lê Văn Khôi). Cuộc xung đột giữa hai ý thức hệ dân chủ và bảo thủ trong xã hội Pháp được thay thế bằng sự xung đột giữa hai thế hệ tiến bộ của cha con Vương Thế Hùng-Vương Thế Phụng, theo « nguy », chống lại sự bảo thủ bảo hoàng của Đàm Tự Chân (ông ngoại Thế Phụng), dưới triều nhà Nguyễn.

Hồ Biểu Chánh theo khá sát cốt truyện của Victor Hugo, bỏ những đoạn dài dòng khi Victor Hugo sa đà về tôn giáo, vào những ngoại cảnh, mở chân rết ra những vùng ngoại ô xa. Hồ Biểu Chánh gói trọn nội dung xung quanh một số nhân vật chính, bỏ những nhân vật như Gavroche, trẻ bụi đời, không thể có trong xã hội Việt Nam thế kỷ XIX chưa công nghiệp hoá. Giữ lại những nhân vật chính, là những đối tác không thể thiếu được trong sự đối chiếu hai xã hội, hai nền văn hoá: Jean Valjean- Lê Văn Đố, Giám mục Myriel - Hoà Thượng Chánh Tâm.

Fantine - Ánh Nguyệt. Cosette -Thu Vân.
Thénacquier -Đỗ Cẩm. Javert- Phạm Ký, v.v...

Tác phẩm cúi xuống những thân phận lạc loài. Cả hai cuốn tiểu thuyết đều làm nhiệm vụ cứu khốn phò nguy của những lương tri văn học.

Hồ Biểu Chánh đã thực hiện trong *Ngọn cỏ gió đùa*, một sự giao lưu văn hoá Pháp Việt sâu sắc, nhưng đồng thời tác phẩm của ông cũng lại chia biệt hai nẻo khác nhau giữa tâm hồn văn hoá Đông Phương và Tây Phương, dù cùng một mục đích là thể hiện lòng bác ái tương thân giữa người và người, nhưng Phật Giáo và Thiên Chúa giáo có hai triết lý sống khác nhau. *Ngọn cỏ gió đùa* còn cho thấy những khác biệt sâu xa giữa sự đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong xã hội Pháp thế kỷ XIX và khuynh hướng đấu tranh cho lòng trọng nghĩa khinh tài, cho lý tưởng ái quốc nơi những người cấp tiến trong xã hội Việt, miền Nam, dưới triều nhà Nguyễn.

Tính chất đả phá xã hội ở hai nơi cũng hoàn toàn khác nhau : Bộ mặt đàng điếm bụi đời của xã hội Pháp bắt đầu công nghiệp hoá, với những tệ đoan, những bóc lột mới. Và bộ mặt dã man của chế độ quan lại, tham ô hà khắc dưới triều Nguyễn với những áp bức của thời phong kiến.

Nhưng quan trọng nhất là trong *Ngọn cỏ gió đùa*, in năm 1926, Hồ Biểu Chánh đã khắc tạc nên khuôn mặt Lê Văn Đố, khổ sai vượt ngục. Ba năm sau, trong *Cha con nghĩa nặng* (1929), ông tạo ra chân dung Trần Văn Sửu, mắc oan giết vợ. Đó là hai khuôn mặt hiện thực sắc nét đầu tiên trong văn học Việt nam, hai khuôn mặt này đã để lại dấu ấn sâu xa, và đã tạo mẫu cho những người viết sau, hình thành những chân dung khác như *Chị Dậu* của Ngô Tất Tố, *Mẹ Lê* của Thạch Lam, *Chí Phèo* của Nam Cao.

Lực điền Lê Văn Đố, vô sản, vô học, Lê Văn Đố là hậu thân của những khuôn mặt đã có trong văn học, đó là những nét kiêu cường và hung hãn của Tôn Ngộ Không, những nét tử bi hỷ xả của Đường Tam Tạng. Lê Văn Đố còn là một con người bình thường bị nội tâm dày vò khi phải lựa chọn giữa việc ra đầu thú để cứu người, hoặc im lặng để cứu mình, của bất cứ cá nhân nào trước một thử thách cao độ về đạo sống.

Chỉ với một khuôn mặt Lê Văn Đố, Hồ Biểu Chánh cũng đã dựng nên được một hình tượng đa nghĩa và lẫm liệt của con người. Con người mọi thời, mọi thế.

Chân dung Lê Văn Đố tức Jean Valjean Việt Nam, được đưa vào tiểu thuyết, trong bối cảnh như sau:

«*Năm Mậu thìn (1808) nhằm Gia Long thất niên, tại huyện Tân Hòa, bây giờ là tỉnh Gò Công, trời hạn luôn trong hai tháng, là tháng bảy với tháng tám, không nhểu một giọt mưa. Lúa sớm gần trổ, mà bị ruộng khô nên không nở đòng đòng, lúa mùa vừa mới cấy, mà bị đất nẻ, nên cộng teo lá úa.*

Cái cánh đồng, từ Rạch Lá tới Bến Lợi, là vú sữa của hơn dân trong huyện Tân Hòa, năm nào cũng nhờ đó mà nhà nhà đều được no cơm ấm áo, ngặt vì năm nay cả đồng khô héo, làm cho dân cả huyện trông thấy đều buồn bực thờ than.

Tại Giồng Tre có nhà bà Trần Thị bần cùng đói rách, thuở nay trời cho trúng mùa mà nhà bà cũng không được vui, huổng chi năm nay mất mùa, thiên hạ nhin đói, thì nhà bà càng thảm khổ hơn nữa» (*Ngọn cỏ gió đùa*, trang 7)

Bà Trần Thị, goá bụa, có hai con trai: Lê Văn Đây, vừa chết, để lại mẹ già đau yếu, một vợ và 7 đứa con. Lê Văn Đố đang đi ở đợ, được mẹ gọi về làm chủ gia đình. Trong cảnh đói kém lan tràn ấy, Lê Văn Đố, lực

điền 20 tuổi, phải xoay sở để nuôi mẹ, chị dâu và 7 cháu nhỏ:

«Lúc ban đầu trong nhà còn khoai còn bắp, hễ bữa nào Lê Văn Đó kiếm gạo không được thì Thị Huyền nấu khoai hoặc bắp, rồi chia cho sắp con mỗi đứa con một củ khoai, hoặc đôi ba muống bắp mà ăn đỡ, sắp nhỏ ăn không no, đến tối Lê Văn Đó đi làm về, chị dâu lấy tộ bắp nấu để dành mà đưa cho Lê Văn Đó ăn, thì sắp nhỏ bu lại đứng ngó lom lom, đứa xin cho một vài hạt. Thị Huyền rầy con, biểu để cho chú ăn no, đặng ngày sau có sức đi làm mà kiếm gạo. Sắp nhỏ sợ mẹ nên dang ra, song bụng đói quá, nên mặt buồn xo. Lê Văn Đó thấy vậy thương xót, không đành ngồi ăn một mình, day qua bên này đút cho đứa này một muống, trở qua bên kia đút cho đứa khác một muống nữa, đút gần hết tộ, té ra cũng không còn đủ cho nó ăn no được.

Cách chẳng bao lâu, khoai bắp trong nhà ăn đã sạch hết. Bữa nào không ai mượn Lê Văn Đó làm, thì cả nhà đều phải luộc rau luộc củ mà ăn đỡ, chứ không có cháo mà ăn. Sắp nhỏ nhìn đói mặt mày vàng ẻo; còn Trần Thị đã già yếu rồi, mà trót mấy tháng nay bà lại chịu cơ hàn nữa, nên bà nhuốm bệnh nằm thiêm thiếp không dậy nổi.

Một bữa nọ Lê Văn Đó đi tối một ngày mà không có ai mượn làm việc chi hết. Lúc trời chạng vạng tối, nó trở về nhà, hai chơn mỗi rưng, bụng đói xẹp ve, lỗ tai lũng bùng, cặp mắt cháng váng. Chừng gần tới nhà, nó dừng chơn lại, gục đầu ngó xuống đất một hồi, rồi chậm rãi bước từ bước, dường như nhút nhát không muốn trở về nhà.

Nó bước vô tới đám bố trồng trước cửa, thì thấy trong nhà không có đèn đuốc chi hết, mà may nhờ có bóng trăng dọi, nên tuy không đèn nhưng sáng lờ mờ. Nó lén đi vòng qua phía tay mặt, rồi vạch vách lá mà dòm vô nhà.

Thị Huyền đương bồng đứa con út mà cho bú. Bỏ ba đứa nhỏ chạy chung quanh, một đứa nằm trên võng, một đứa vịn vai Thị Huyền, còn một đứa ngồi bên cửa, khóc và nói rằng: «Đói bụng quá, lấy gì ăn bây giờ má?» Thị Huyền đáp rằng: «Nín đi, đừng có khóc con, đợi chút nữa chú con về đem gạo về, mẹ nấu cơm cho con ăn»

Ba đứa lớn nằm co trên ván phía bên này, lặng thinh như ngủ, chừng nghe Thị Huyền nói như vậy một đứa ngóc đầu hỏi rằng: «Chừng nào chú con về, má?» Thị Huyền đáp rằng: « Một chút nữa chú con về ». Đứa lớn hơn hết lại khóc mà nói rằng: « Hôm qua chú về không có đem gạo về, sợ bữa nay cũng không có nữa ».

Tên Đó đứng ngoài nghe như vậy rồi lại thấy Thị-Huyền lấy vạt áo lau nước mắt. Nó đi vòng vô phía trong, khi đi ngang chỗ chõng mẹ nó nằm, thì nó lại nghe bà Trần thị rên hừ-hừ.

Lê Văn Đó thấy tình cảnh thâm dường ấy, thì teo gan héo ruột, nên lắc đầu thờ dài, rồi lật đật bước riết ra đường, dường như nó không muốn thấy tình cảnh ấy nữa. Ra tới đường rồi nó lầm lũi đi tới hoài. Nếu lúc ấy ai cắc có hỏi nó đi đâu, thì chắc nó không biết đi đâu mà nói».

May nó đi mà không gặp ai hết. Lối nửa canh một, nó tới một xóm đông, không biết là xóm nào. Mấy nhà trong xóm đều ngủ hết, duy ở giữa xóm có một cái nhà lớn, tre trồng bao chung quanh, trong nhà đèn đốt sáng lòa, khách khứa đông dầy dầy, ăn uống vui cười inh ỏi». (các trang 11)

Đoạn văn trên đây, trở thành đoạn văn tiêu biểu, mô tả cảnh đói của một gia đình và bên cạnh là cảnh ăn uống thừa thãi của một nhà giàu. Bức tranh hiện thực đôn đau này, đã được Hồ Biểu Chánh dựng nên từ năm 1926. Đó là bức tranh hiện thực xã hội đầu tiên về sự đói khổ cùng cực của dân quê,

về sự phung phí và tàn ác của những nhà giàu có trong làng. Những cảnh ấy, sau này sẽ được vẽ lại từng mảng: Cảnh nhà giàu áp bức Dậu trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, cảnh nhà giàu đuổi chó xua mẹ Lê, khiến mẹ Lê bị chó cắn mà chết trong *Nhà Mẹ Lê* của Thạch Lam và một Lê Văn Đó cùng đình hung hãn sẽ trở lại trong *Chí Phèo* của Nam Cao.

Lê Văn Đó đã trở thành khuôn mặt tiêu biểu cho người vô sản bị áp bức, ngay từ 1926. Chân dung Lê Văn Đó được hình thành qua bốn cảnh.

1- Cảnh nhà giàu ăn uống linh đình, Lê Văn Đó đến xin:

«Lê Văn Đó thấy nhà giàu cơm ăn không hết lại mời khách mà đãi thâm tới ban đêm, rồi nhớ tới nhà mình nghèo khổ, đèn không dầu nên tối mò, mẹ đau không thuốc nằm chờ ngày chết, sắp cháu đói bụng rên khóc van vãn, thì tức tử trong lòng, quyết bước vô mà cậy chủ nhà giàu này một vài tạ lúa đen về cho gia quyến ăn, đợi năm tới thuận mùa rồi làm mà trả lại».

«Lê Văn Đó ở ngoài xăm xăm đi vô, đứng ngay cửa cái mà ngó. Khách trong nhà mắc ăn thịt uống rượu, mắc nói nói cười cười, không ai để ý tới ngoài sân, nên không ai thấy nó. Cách một hồi lâu, ông Bá hộ dòm ra, thấy có người lạ mặt đứng trước cửa, bèn sai gia-dịch ra hỏi coi đi đâu. Lê Văn Đó thuở nay không từng nói chuyện với ai, mà cũng không hiểu lễ phép chi hết, nên nghe người ta hỏi đi đâu, không lấy lời dịu ngọt thê thảm mà động lòng nhơn từ của người, lại nói xăn xớn rằng: «Nhà tôi nghèo quá, tôi đi làm mướn mà không ai chịu mướn tôi làm. Bây giờ nào là mẹ, nào là chị, nào là sắp cháu nhỏ của tôi chết đói hết thấy, tôi đi đến đây, thấy nhà này giàu có nên tôi ghé lại mướn một ít tạ lúa về ăn đỡ».

Sắp gia dịch nghe rồi trở vô nhà nói làm sao với ông Bá hộ không biết, mà khách trong nhà cười rộ, rồi ông Bá hộ sai người ra đuổi Lê Văn Đó biểu phải đi ra khỏi cửa cho mau».

(trang 12)

2- Nhưng Lê Văn Đó cưỡng lại, không chịu đi, chủ nhà đuổi chó ra cắn:

«Lê Văn Đó không chịu đi, cứ đứng ngó vô trong nhà, và nói lầm-bầm rằng: «Đi đâu bây giờ mà biểu người ta đi. Mẹ ta với sắp cháu đói gần chết, ta về bây giờ lấy gì mà cho ăn».

Sắp gia-dịch thấy nó không chịu đi, mới áp lại xô đẩy. Lê Văn Đó trì lại, sức Lê Văn Đó mạnh quá chúng nó xô không nổi, nên chúng nó giận bèn xích chó cho cắn. Trong nhà có một bầy chó năm sáu con, hùa nhau chạy tuông ra, rồi vây chung quanh tên Đó mà sủa om sòm. Có một con chó dữ nhảy xóc vô cắn chơn tên Đó, bị tên Đó đá cho một đá té lăn cù. Bầy chó sợ đập nên chạy đàn ra rồi lại áp vô sủa nữa.

Ở trong nhà và chủ và khách óng tiếng nói om sòm. Tên Đó không hiểu họ rầy ai, phần bị bầy chó làm dữ quá, sợ một mình cự không nổi nên thủng thẳng sụt lùi mà đi ra. Tên Đó đã ra khỏi vuông tre của ông Bá hộ rồi, mà bầy chó cũng đứng trước cửa ngõ sủa theo.

Lê Văn Đó không biết đi đâu, cứ gục mặt xuống đất thủng thẳng đi dọc theo bờ tre. Đi được vài chục bước, tên Đó nghe dưới ống chơn rít rít, mới cúi xuống mà coi. Nhờ bóng trăng dội sáng, nên nó thấy máu chảy ròng ròng, mới hay mình bị chó cắn.

Tên Đó đi lại bụi tre, lấy một nắm lá tre khô mà chùi máu, rồi ngồi bẹp xuống đất khoanh tay mà thở ra. Bụng đói quá nên trời mát mà trán đổ mồ hôi ướt rượt, cặp mắt đỏ hào quang, hai bàn tang mạch nhảy xoi-xói

(...) *Vùng trắng tỏ treo giữa trời vặc vặc, ngọn gió dần lá tre giũ phát phơ. Rụt-rịt bên chơn con rắn mỗi bò đi giỡn trắng, chút-chút trong vườn tiếng chim cúc than phiền đêm lạnh lẽo»*

3- Bị chó cắn Lê Văn Đố vẫn không chịu bỏ đi. Cứ đứng rình, thấy có nồi cháo nấu cho heo ăn không có người coi, Lê Văn Đố bèn liều, ra bụng trộm:

«Lê Văn Đố đứng ngoài bờ tre dòm vô, thấy nhà lớn của ông Bá hộ phía bên kia đèn còn đốt sáng trưng, khách còn nhộn nhàng đương ăn uống vui cười. Trong nhà bếp ở phía bên này thì sắp gia dịch qua lại lằng xằng, mà chẳng thấy ai đi ra chỗ đũa con gái ngồi nấu cháo hồi nãy hết. Tên Đố dòm một hồi rồi vạch tre chun vô vườn, đi riết lại bụng trã cháo mà đi ra. Trã cháo lớn nên nặng, mà mới cạn nên còn nóng, song tên Đố vác lên vai đi xông xồng, không biết nặng, không biết nóng, mà cũng không sợ họ thấy.

Nó đi vừa được năm bảy bước, bỗng nghe trong nhà bếp có người hỏi: «Ai vác cái gì mà đi đó?» Nó cứ đi riết không thèm trả lời. Trong nhà bếp có hai ba người chạy ra, tới chỗ nấu cháo heo thấy mất một trã cháo bèn la om sòm rằng: « Ăn trộm vô bụng trã cháo heo mà chạy đây nè, bớ người ta, rượt theo bắt nó. Đố, nó chạy đó. Kia, nó đương vạch hàng tre mà chun kia kia, bớ người ta»

4- Bị bắt quả tang, nhưng Lê Văn Đố vẫn chống cự:

« Tên Đố cứ vác trã cháo chun qua hàng tre, rồi băng ngang ruộng mà đi như thường, họ la mặc họ, nó không đứng lại, mà cũng không thèm chạy. Sắp gia dịch của Bá hộ Cao rượt theo, áp vô đũa nắm đầu, đũa om lưng mà bắt. Tên Đố tay trái vịn trã cháo trên vai, tay mặt gạt sắp gia dịch té lăn cù, không đũa nào xáp vô mình nó được.

Sắp gia dịch la hét om sòm. Khách trong nhà kẻ xách cây người cầm hèo chạy túa theo tiếp ứng. Có một người thấy sắp gia dịch nhút nhát không dám vô bắt tên Đố, mới xách một khúc tre bước tới nhắm đầu tên Đố mà đập. Tên Đố đưa tay ra đỡ, khúc tre gãy làm hai đoạn. Một người khác nhảy tới đập nữa, tên Đố trớ khỏi song trật tay trã cháo rớt, trã bẻ nát còn cháo đổ đầy đất.

Tên Đố đứng ngó mấy người rượt bắt mình và hỏi tỉnh táo rằng: “Làm giống gì dữ vậy ? Đổ cháo hết uống hôn!” (trang 16).

Bốn cảnh huống trên đây đã tạo nên bức chân dung độc đáo của con người bị xã hội thối nát ruồng bỏ, chà đạp, và người lực điền Đố đã chống lại với tâm hồn trinh bạch của kẻ nhìn thấy bất công, muốn đập đổ mà không đập đổ được. Lê Văn Đố là một Lục Vân Tiên không biết chữ. Lê Văn Đố là nhân vật *trọng nghĩa khinh tài* vô học đầu tiên, một con người không cần đạo lý Khổng Mạnh, cũng đạt được ý nghĩa cao nhất của cuộc sống.

Nguồn: <http://thuykhue.free.fr>